

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện
Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 4360/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 813/SXD-QH ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây

dựng vùng huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070 (kèm theo Tờ trình số 394/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Hậu Lộc).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
 - Các đ/c Ủy viên UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H1.(2024)QDPD_QDQL VH Hậu Lộc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hậu Lộc,
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)*

PHẦN I QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

Điều 1. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi, ranh giới

Toàn bộ địa giới hành chính huyện Hậu Lộc, bao gồm 23 đơn vị hành chính cấp xã (01 thị trấn và 22 xã); ranh giới như sau:

- + Phía Bắc giáp: huyện Nga Sơn và huyện Hà Trung;
- + Phía Nam giáp: huyện Hoàng Hoá;
- + Phía Đông giáp: Vịnh Bắc Bộ;
- + Phía Tây giáp: huyện Hà Trung và huyện Hoàng Hóa.

2. Quy mô, đất đai vùng quản lý:

- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng là 176.571 người. Dự báo dân số đến năm 2040 khoảng 200.000 người.

- Quy mô đất đai vùng quản lý: 143,7 km².

Điều 2. Quy định về các vùng phát triển và các không gian phát triển kinh tế

1. Quy định về các vùng phát triển

- Tiểu vùng 1: Vùng phát triển đô thị trung tâm (Bao gồm: Thị trấn Hậu Lộc và các xã Mỹ Lộc, Thuần Lộc, Xuân Lộc).

- Tiểu vùng 2: Vùng phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch văn hóa tâm linh phía Tây. (Bao gồm: Xã Triệu Lộc và Đại Lộc).

- Tiểu vùng 3: Vùng phát triển nông nghiệp quy mô lớn, năng suất cao phía Bắc. (Bao gồm: Xã Tiến Lộc, Lộc Sơn, Thành Lộc, Đồng Lộc, Phong Lộc, Tuy Lộc, Quang Lộc, Liên Lộc, Hoa Lộc, Cầu Lộc).

- Tiểu vùng 4: Vùng phát triển các ngành kinh tế biển, dịch vụ du lịch phía Đông. (Bao gồm: Xã Hòa Lộc, Hải Lộc, Minh Lộc, Hưng Lộc, Ngư Lộc, Đa Lộc, Phú Lộc).

- Các vùng kiểm soát, hạn chế phát triển bao gồm: Bao gồm các khu vực đồi núi phía Tây (xã Triệu Lộc, Đại Lộc), khu vực sinh thái ven sông Trà Giang, kênh De và khu vực rừng ngập mặn ven biển xã Đa Lộc. Khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; Khu vực các mỏ khai thác vật liệu xây dựng; Các khu vực đất Quốc phòng an ninh hiện có và các khu đất đã được quy hoạch cho nhiệm vụ Quốc phòng thời kỳ 2021-2030.

2. Quy định về các không gian phát triển kinh tế

a) Không gian phát triển công nghiệp

Định hướng phát triển cụm công nghiệp huyện Hậu Lộc đến năm 2040 có 01 khu công nghiệp và 09 cụm công nghiệp, cụ thể như sau: KCN Đa Lộc quy mô 250 ha. CCN thị trấn quy mô từ 15 ha, mở rộng đến năm 2030 là 24,5 ha, đến năm 2040 là 35,2 ha, CCN Hòa Lộc quy mô 20 ha, CCN Châu Lộc quy mô 55,8 ha, CCN Song Lộc I quy mô 75 ha, CCN Song Lộc II quy mô 75 ha, CCN Quang Lộc quy mô 30 ha. CCN Liên - Hoa quy mô 40 ha (tại xã Hoa Lộc, Liên Lộc), CCN Thuần Lộc quy mô 30 ha (tại xã Thuần Lộc), CCN, làng nghề Tiến Lộc quy mô khoảng 75 ha.

- Các vùng không gian phát triển công nghiệp phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; Phát triển các CCN tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017”.

- Quy hoạch, xây dựng, mở rộng các khu, cụm công nghiệp phải đảm bảo các yêu cầu: Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và cây xanh, đất đai và tổ chức sản xuất thuận lợi và hợp lý. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp phải đi liền với xây dựng đồng bộ các cơ sở dịch vụ, điểm dân cư, tạo điều kiện sống và làm việc cho lao động ở các cụm công nghiệp.

- Định hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề: Phục hồi các làng nghề, tiểu thủ công nghiệp truyền thống của địa phương gắn kết phát triển về dịch vụ thương mại, du lịch.

- Các khu vực khai thác khoáng sản thực hiện khai thác theo Luật Khoáng sản và Quy hoạch sử dụng đất huyện Hậu Lộc giai đoạn 2021-2030.

- Quy định về dải cách ly vệ sinh: Chiều rộng dải cách ly cụm công nghiệp, khu tiểu thủ công nghiệp, làng nghề với các khu chức năng khác phải đảm bảo khoảng cách theo quy định tối thiểu 10 m.

- Quy định về bãi phế liệu, phế phẩm: Bãi phế liệu, phế phẩm công nghiệp phải được rào chắn và không làm ảnh hưởng xấu tới điều kiện vệ sinh của các xí nghiệp xung quanh và không làm nhiễm bẩn môi trường. Bãi chứa các phế liệu nguy hiểm (dễ gây cháy nổ, dịch bệnh) phải có biện pháp xử lý các chất độc hại và đảm bảo khoảng cách ly.

b) Không gian phát triển nông – lâm nghiệp

- Vùng trồng trọt: Phát triển các vùng cây trồng hàng hóa tập trung, quy mô lớn tại các xã vùng đồng, Tây kênh De và các xã Mỹ Lộc, Tiến Lộc, Xuân Lộc. Vùng lúa thâm canh năng suất, chất lượng, hiệu quả cao 3.500 ha, vùng ngô 1.000 ha; phát triển vùng trồng cây ăn quả tập trung lên 350 ha, sản xuất rau an toàn tập trung lên 50 ha (tập trung ở các xã vùng đồng màu, vùng Đông kênh De và các xã Thuần Lộc, thị trấn...).

- Chăn nuôi: Phát triển các khu trang trại tập trung trên địa bàn huyện (khu trang trại trung tại khu vực sản xuất nông nghiệp giáp ranh các xã Tiến Lộc, Lộc Sơn, Thành Lộc...). Bố trí trang trại tập trung đảm bảo khoảng cách ly an toàn đến các khu vực dân cư.

- Vùng nuôi trồng thủy, hải sản: Phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã Đa Lộc, Xuân Lộc, Hòa Lộc và Hưng Lộc (nuôi các loại hình như ngao, tôm sú, tôm... có giá trị kinh tế cao).

- Bảo tồn và phát triển rừng, trong đó chú trọng phát triển rừng phi lao chắn cát, rừng ngập mặn khu vực ven biển.

c) Không gian phát triển du lịch

- Khu vực phía Tây (đô thị Triệu Lộc): Phát triển du lịch tâm linh gắn với khu vực Đền Bà Triệu, cụm di tích thắng cảnh Phong Mực - Hàn Sơn.

- Khu vực phía Đông (đô thị ven biển): Phát huy và bảo tồn các giá trị di sản văn hóa phi vật thể được công nhận (lễ hội cầu ngư) gắn với cụm di tích Diêm Phố, chùa Vích và phát triển du lịch sinh thái rừng ngập mặn ven biển khu vực xã Đa Lộc, Hải Lộc. Phát huy du lịch khám phá trải nghiệm với hòn Nẹ đảm bảo hài hòa phát triển kinh tế gắn với quốc phòng an ninh.

- Xây dựng các tua, tuyến du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh, sinh thái kết hợp với các tua tuyến du lịch của tỉnh xây dựng các sản phẩm đặc trưng của địa phương gắn với các làng nghề truyền thống.

d) Không gian phát triển thương mại

- Định hướng về phát triển hệ thống chợ: toàn huyện có 20 chợ (gồm 02 chợ hạng II và 18 chợ hạng III, theo Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

- Định hướng về phát triển thương mại tại các khu vực đô thị (Thị trấn, đô thị ven biển, Triệu Lộc, Hòa Lộc, Thuần Lộc). Bố trí các khu thương mại tại các nút giao thông chính của các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh.

Điều 3. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị

- Giai đoạn đến năm 2025: Toàn huyện có 02 đô thị, trong đó:

+ Thị trấn Hậu Lộc: Mở rộng lấy thêm toàn bộ diện tích của xã Xuân Lộc và một phần thôn Phú Thịnh xã Phú Lộc theo quy hoạch chung thị trấn được duyệt với quy mô diện tích 1.712,8 ha, dân số 26.000 người.

+ Hình thành đô thị ven biển: Bao gồm phạm vi các xã Hưng Lộc, Ngư Lộc, Đa Lộc và Minh Lộc với quy mô diện tích 2.504 ha (trong đó nghiên cứu thêm khoảng 250 ha diện tích lấn biển cải tạo bãi bồi ven biển), dân số khoảng 60.000 người.

- Giai đoạn đến năm 2030: Toàn huyện có 03 đô thị, trong đó:

+ Thị trấn Hậu Lộc, Đô thị ven biển.

+ Hình thành đô thị Triệu Lộc: Bao gồm phạm vi các xã Triệu Lộc và Đại Lộc với quy mô diện tích 2.163 ha, dân số 18.000 người.

- Giai đoạn đến năm 2045: Toàn huyện có 04 đô thị, trong đó:

+ Thị trấn Hậu Lộc, Đô thị ven biển, Đô thị Triệu Lộc.

+ Hình thành đô thị Hòa Lộc: Bao gồm phạm vi các xã Hòa Lộc và xã Hải Lộc. Với quy mô diện tích 1.054 ha, dân số 30.000 người.

2. Quy định về quản lý hệ thống nông thôn

- Các xã phải được lập quy hoạch chung xây dựng xã để cụ thể hóa quy hoạch vùng huyện theo quy định tại Khoản 6, Điều 2, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 08 năm 2019 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo Chương trình nông thôn mới đảm bảo mục tiêu xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; xây dựng các trung tâm xã, các điểm dân cư mới tạo động lực mới phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực nông thôn.

Điều 4. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng.

1. Vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội

a) Hệ thống trung tâm hành chính, chính trị

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp huyện: Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, cải tạo các trụ sở hành chính, công trình cơ quan cấp huyện đảm bảo hiện đại, khang trang đáp ứng nhu cầu làm việc và phục vụ nhân dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu đồng bộ về không gian, kiến trúc, cảnh quan cho toàn bộ khu vực trung tâm.

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp đô thị: Từng bước đầu tư xây dựng theo các quy hoạch đô thị được duyệt.

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp xã, thị trấn: Cải tạo chỉnh trang, nâng cấp các trụ sở UBND các xã đảm bảo yêu cầu trong xây dựng xã Nông thôn mới.

b) Hệ thống công trình Y tế

- Nâng cấp bệnh viện huyện quy mô giường bệnh lên 400 giường bệnh.

- Nâng cấp, cải tạo chỉnh trang các trạm y tế cấp xã đảm bảo các tiêu chí do ngành Y tế quản lý.

- Khuyến khích, phát triển các phòng khám đa khoa tư nhân tại các đô thị.

c) Hệ thống công trình Giáo dục

- Ổn định vị trí các trường Trung học phổ thông; Trung tâm giáo dục nghề; Trung tâm giáo dục thường xuyên như hiện nay. Mở rộng nâng cấp các trường Trung học phổ thông đảm bảo đảm bảo tiêu chuẩn 40 hs/1000 dân, 10 m²/hs. Quy mô trung bình tối thiểu đạt 3,0 ha/trường.

- Hệ thống giáo dục các cấp (Trung học cơ sở, trường tiểu học và trường mầm non): Các công trình hiện trạng được duy trì nâng cấp, cải tạo; Xây mới thêm ở các khu dân cư tập trung, khu đô thị mới đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Sau năm 2030 khuyến khích hình thành thêm các trường liên cấp trong các khu vực đô thị theo hình thức xã hội hóa.

d) Hệ thống công trình thiết chế Văn hóa - thể thao

- Tuân thủ theo quy định tại khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.

- Đầu tư xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp huyện đến cấp xã, cấp thôn đảm bảo quy chuẩn QCVN 01: 2021/BXD; bố trí quỹ đất,

ưu tiên đầu tư các tổ hợp các công trình, thiết chế văn hóa - thể thao các cấp theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở thể dục thể thao.

- Đầu tư xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao, công viên tại thị trấn.

- Trung tâm TDTT cấp đô thị gồm các công trình: sân thể thao cơ bản, trung tâm văn hóa thể thao, Cung văn hóa, nhà thiếu nhi, quy mô khoảng 7 ha/trung tâm.

- Trung tâm TDTT cấp khu ở: 100% các xã và thị trấn đã có sân thể thao; cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới. Diện tích đất sân thể thao phổ thông theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4205:2012 và tiêu chí xã nông thôn mới".

e) Hệ thống công trình Quốc phòng

Tuân thủ theo định hướng “*Quy hoạch cho nhiệm vụ Quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*”.

2. Vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông

- Quốc lộ: Các tuyến Quốc lộ tuân thủ theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cụ thể như sau: Quốc lộ 1A: Đoạn qua đô thị Triệu Lộc được nâng cấp là trục giao thông đô thị. Đoạn còn lại duy trì đường cấp III, 4 làn xe; Quốc lộ 10: Cải tạo đoạn qua thị trấn Hậu Lộc, nâng cấp đoạn còn lại (qua Thuần Lộc, Mỹ Lộc) đạt quy mô đường cấp III, 2-4 làn xe. Các tuyến mới theo định hướng quy hoạch giao thông tỉnh Thanh Hóa: Đường tránh Quốc lộ 10: Hướng tuyến phía Đông Nam thị trấn Hậu Lộc, vượt sông Tào đi thị trấn Bút Sơn. Quy mô đường cấp III, 4 làn xe. Tuyến đường bộ ven biển: Đoạn qua đô thị ven biển và đô thị Hòa Lộc, với giai đoạn hoàn chỉnh có quy mô 4-6 làn xe.

- Đường tỉnh: Các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 02-04 làn xe. Đường tỉnh 526: Nâng cấp, mở rộng đạt đường cấp III, 4 làn xe; Đường tỉnh 526B: Kéo dài tuyến trên cơ sở nâng cấp đoạn đường huyện từ thị trấn Hậu Lộc đi Hòa Lộc; đoạn qua trung tâm thị trấn Hậu Lộc là đường chính đô thị; các đoạn còn lại nâng cấp, mở rộng đạt đường cấp III, 4 làn xe; Xây dựng mới tuyến đường tỉnh 526 kéo dài (đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu Châu Tử), với quy mô đường cấp III, 4 làn xe; Xây dựng mới tuyến đường tỉnh 526B kéo dài (đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu Châu Tử) kết nối với Quốc lộ 217 qua sông

Lên sang xã Hà Sơn, Hà Trung với với quy mô đường cấp III, 4 làn xe. Xây dựng mới tuyến đường tỉnh 526 kéo dài (đoạn từ Quang Lộc đến Lĩnh Toại, Hà Trung) kết nối với Quốc lộ 217 qua sông Lên sang xã Lĩnh Toại, Hà Trung, với quy mô đường cấp III, 4 làn xe. Xây dựng mới tuyến đường nối Quốc lộ 1A với đường ven biển (đoạn từ Tiến Lộc đến đô thị ven biển), với với quy mô đường cấp III, 4 làn xe; Xây dựng mới tuyến đường nối Quốc lộ 10 với đường ven biển (đoạn từ xã Thuận Lộc đến Hòa Lộc), với với quy mô đường cấp III, 4 làn xe.

- Đường huyện: Nâng cấp, cải tạo và đầu tư xây dựng mới 14 tuyến đường huyện hiện có đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, quy mô 2-4 làn xe theo quy hoạch giao thông vùng huyện Hậu Lộc đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070.

- Hệ thống đường cấp đô thị, đường xã được đầu tư xây dựng theo quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn được phê duyệt với quy mô đạt tiêu chuẩn đường cấp V trở lên; Lộ giới hệ thống đường được quản lý theo quy hoạch chung các đô thị và quy hoạch nông thôn.

- Hệ thống đường thôn, xóm nâng cấp đạt quy mô cấp VI trở lên.

- Về các điểm đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ: Thực hiện theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt các điểm đầu nối vào Quốc lộ.

- Quản lý 04 bến xe khách gồm: Bến xe khách tại thị trấn Hậu Lộc; Bến xe khách tại đô thị ven biển, bến xe khách tại Hoa Lộc và bến xe khách tại Thành Lộc.

- Hệ thống bãi đỗ xe đô thị: Căn cứ vào dân số phát triển đến năm 2040 tại 04 đô thị (thị trấn Hậu Lộc, Đô thị ven biển, Đô thị Triệu Lộc và Hòa Lộc), thực hiện quy hoạch các bãi đỗ xe đảm bảo tiêu chuẩn 2,5 m²/người, tuân thủ Điểm 2.9.4 Quy chuẩn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01: 2021/BXD; Đối với các gara ô tô phải đảm bảo các quy định tại Quy chuẩn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Gara ô tô QCVN 13:2018/BXD.

- Về giao thông công cộng: Tiếp tục khai thác, nâng cấp tuyến xe bus hiện có. Nghiên cứu phát triển các tuyến bus mới theo các tuyến Quốc lộ, Đường tỉnh theo quy hoạch giao thông toàn tỉnh; tăng cường kết nối huyện với các khu vực trọng điểm trong và ngoài tỉnh.

- Về giao thông đường thủy nội địa: Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 và Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023.

- Về giao thông đường sắt: Quản lý hành lang bảo vệ theo Nghị định 56/2018/NĐ-CP quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt. Tuyến đường sắt Bắc Nam khổ rộng 1m, hiện tại qua huyện với tổng chiều dài khoảng 6,3 km. Tuyến đường sắt cao tốc chạy qua huyện về phía Tây, đoạn qua đô thị Triệu Lộc với chiều dài khoảng 6 km.

b) Hệ thống công trình cấp nước

- Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước cho khu vực vùng huyện lấy từ hệ thống sông Lèn là nguồn cấp nước cho toàn huyện.

- Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Hậu Lộc với công suất từ 5.000 m³/ngđ lên 8.000 m³/ngđ (Cấp nước cho thị trấn Hậu Lộc và các xã Tuy Lộc, Lộc Sơn, Mỹ Lộc, Xuân Lộc, Cầu Lộc, Thuần Lộc, Thành Lộc).

- Nâng cấp nhà máy nước Minh Lộc với công suất 7.500 m³/ngđ lên 22.000 m³/ngđ (cấp nước cho đô thị Hòa Lộc (Hòa Lộc, Hải Lộc), đô thị Diêm Phố (Ngư Lộc, Minh Lộc, Hưng Lộc, Đa Lộc) và các xã Hoa Lộc, Phú Lộc).

- Đầu tư xây mới nhà máy nước tại Đô thị Triệu Lộc với công suất 17.000 m³/ngđ. Cấp nước cho đô thị Triệu Lộc (xã Triệu Lộc và Đa Lộc), Phong Lộc, Đồng Lộc, Tiến Lộc.

c) Hệ thống công trình cấp năng lượng

- Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện từ Trạm 110 kV Hậu Lộc 1, công suất 40MVA tại Triệu Lộc. Xây dựng mới TBA 220 kV Hậu Lộc công suất 2x250MVA; TBA 110 kV Hậu Lộc 2 công suất 1x40+1x63MVA; TBA 110 kV KCN Đa Lộc 2x63MVA.”.

- Lưới điện: Lưới điện 500 kV chạy qua khu vực phía Bắc huyện đoạn qua các xã Quang Lộc, Cầu Lộc, Thành Lộc, Đại Lộc, Triệu Lộc (tuyến Nam Định - Thanh Hóa theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2025 có xét đến năm 2035); Lưới điện 220 kV phát triển mới từ nhiệt điện Nam Định tới trạm 220 kV Hậu Lộc rồi đấu nối tới trạm 500 kV Thanh Hóa; Lưới điện cao áp 110 kV hiện có giữ nguyên vị trí cột và hướng tuyến theo hiện trạng đã có, chỉ cải tạo nâng cấp tiết diện dây hiện có theo định hướng của cơ quan quản lý ngành điện. Phát triển lưới điện 110 kV mới từ trạm 220 kV Hậu Lộc tới trạm 110 kV Hậu Lộc theo hướng Đông Tây, lưới điện 110 kV từ trạm 220 kV Hậu Lộc tới trạm 110 kV Nga Sơn và trạm 110 kV Hoàng Hóa 2 theo hướng Bắc Nam.

d) Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động có công nghệ hiện đại, phù hợp với phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh

Hoá đến năm 2045, Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 24/9/2015.

- Hệ thống cáp viễn thông: Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng; thực hiện gia cố hệ thống dây cáp; hạ ngầm các tuyến cáp theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp; loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tuyến cáp cắt ngang, tại các ngã tư, nút giao thông. Các tuyến cáp phải bố trí dọc theo các trục giao thông, dành quỹ đất để xây dựng công trình hạ tầng viễn thông.

- Nhu cầu sử dụng đất cho các công trình viễn thông thụ động: Diện tích 01 trạm viễn thông xây dựng mới khoảng 150 m²; Diện tích xây dựng cột ăng ten khoảng 80 m² (cụ thể trong các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã trên địa bàn).

e) Hệ thống công trình thoát nước thải

- Quản lý 04 nhà máy xử lý nước thải tại các đô thị; Đối với các khu, cụm công nghiệp sẽ được bố trí riêng.

- Đối với khu vực nông thôn các hộ dân cư xây dựng bể tự hoại, đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, trang trại được xử lý triệt để trước khi xả ra môi trường, tuân thủ quy định tại Thông tư 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ Xây dựng.

g) Quản lý chất thải rắn

- Giai đoạn 2020-2025 vẫn sử dụng 03 lò đốt rác hiện có (tại xã Phú Lộc, Đại Lộc và Tiên Lộc). Giai đoạn sau năm 2025 dần bỏ 03 lò đốt rác trên và hình thành 01 Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại thôn Phú Thành xã Minh Lộc phục vụ toàn huyện Hậu Lộc với công suất 100-150 (tấn/ngày). Đến năm 2040 bố trí thêm 01 xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại núi Vàng xã Triệu Lộc với công suất 250-300 (tấn/ngày).

h) Quản lý nghĩa trang: Khu nghĩa trang tập trung bố trí tại xã Lộc Sơn Sơn với quy mô 20 ha. Đối với các đô thị, xã trên địa bàn bố trí 1-2 khu nghĩa trang sẽ được cụ thể hóa tại quy hoạch chung đô thị và quy hoạch chung xây dựng xã.

Điều 5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

1. Quy định đối với hệ thống giao thông

- Đối với đường ngoài đô thị: Hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày

24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.

- Đối với đường đô thị: Quản lý tuân thủ đúng chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của các tuyến theo quy hoạch đô thị được duyệt.

2. Quy định về bảo vệ nguồn nước

- Quy định về bảo vệ nguồn nước tuân thủ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. Trong đó:

+ Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện, thủy lợi: Thực hiện theo Điều 8, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

+ Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh, rạch (hệ thống sông Lèn, Sông Tào, Kênh De...): Thực hiện theo Điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

+ Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác: Thực hiện theo Điều 10, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

- Quy định về vùng bảo vệ nhà máy nước: Phải xây tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước phân phối chính tối thiểu là 0,5m.

- Quy định về khoảng cách ly môi trường tối thiểu: Đối với trạm bơm từ 15 - 30m; Đối với trạm xử lý nước thải từ 100 - 1000m.

3. Quy định về hành lang an toàn hệ thống điện

- Quản lý hành lang cách ly đường điện, công trình điện phải tuân thủ theo Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Khi lập các đồ án quy hoạch đô thị, nông thôn trên địa bàn phải dành quỹ đất bố trí hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và khoản 7, Điều 1, Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014;

- Quản lý không gian công trình điện: Trong khu vực nội thị, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng xây mới phải quy hoạch đi ngầm, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng hiện hữu phải được cải tạo theo hướng hạ ngầm. Ngoài ra các công trình cấp điện phải tuân thủ QCVN 01:2021/BXD.

4. Quy định về hành lang an toàn công trình viễn thông thụ động

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ hành lang an toàn công trình viễn thông theo quy định tại QCVN07-8:2016/BXD Quy chuẩn Quốc gia Công trình viễn thông và QCVN 33:2019/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

5. Quy định về bảo vệ hạ tầng Thủy lợi, Đê điều, Phòng chống thiên tai

- Không thiết kế, bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật trong Phạm vi bảo vệ công trình và vùng phụ cận công trình Thủy lợi, Đê điều thực hiện theo quy định tại Điều 23, Luật Đê điều số 79/20006/QH11 và Điều 40, Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh về quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh Thanh Hóa để đảm bảo không gây cản trở việc vận hành và an toàn công trình.

- Đối với việc đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp khu đô thị, điểm dân cư nông thôn và công trình hạ tầng kỹ thuật cần đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định tại Khoản 12, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14.

6. Quy định về quản lý chất thải rắn, quản lý nghĩa trang

a) Quản lý chất thải rắn (CTR)

- Quy định về thu gom và phân loại CTR: Phải thu gom đạt tỷ lệ 100% lượng CTR phát sinh; thực hiện phân loại CTR tại nguồn phát sinh; phải thu gom, xử lý riêng đối với CTR công nghiệp, CTR y tế nguy hại.

- Quy định về xử lý CTR: Ưu tiên các công nghệ xử lý CTR hiện đại, tiết kiệm quỹ đất xây dựng.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường: Bãi chôn lấp vệ sinh phải có hàng rào bảo vệ; dải cây xanh cách ly ngoài hàng rào phải có chiều rộng tối thiểu là 20 m.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường tối thiểu của khu vực xử lý CTR đến khu vực dân cư, công trình công cộng, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt: Bãi chôn lấp CTR hỗn hợp (vô cơ và hữu cơ) hợp vệ sinh 1000 m; Bãi chôn lấp vô cơ 100 m; Nhà máy xử lý CTR 500 m; Điểm, trạm trung chuyển CTR: 25 m.

b) Quản lý nghĩa trang

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường của các nghĩa trang đến điểm dân cư, công trình công cộng gần nhất:

+ Đối với nghĩa trang có hung táng tối thiểu là 1.500 m nếu không có hệ thống thu gom và xử lý nước dò rỉ từ mộ hung táng;

+ Đối với nghĩa trang chôn cất 1 lần tối thiểu là 500 m; Đối với nghĩa trang cát táng tối thiểu là 100 m;

+ Đối với lò hỏa táng bán kính tối thiểu là 500 m tính từ ống khói lò hỏa táng.

+ Trường hợp do điều kiện đất đai hạn chế phải có biện pháp kỹ thuật, môi trường để giảm khoảng cách ly vệ sinh môi trường nhưng phải được cơ quan quản lý môi trường thẩm định, chấp thuận.

- Quy định về nhà tang lễ: Khoảng cách ly tối thiểu đến công trình nhà ở là 100 m; đến chợ, trường học là 200 m.

7. Quy định về công trình ngầm

- Đối với đô thị cũ cải tạo chỉnh trang bao gồm đô thị trung tâm: Cải tạo hạ ngầm tập trung vào các đường dây điện, đường dây viễn thông nội. Từng bước xây dựng hệ thống tuynel, hào, cống bể cấp trong ranh giới quy hoạch.

- Đối với các khu chức năng, khu đô thị xây mới phải xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đồng bộ với hệ thống giao thông. Không xây dựng mới đường dây nội tại các khu trung tâm đô thị, khu vực di sản kiến trúc, tuyến phố chính.

- Đối với khu vực nông thôn: từng bước xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đồng bộ với hệ thống giao thông.

8. Quy định về các công trình hạ tầng kỹ thuật khác

Phạm vi bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tuân thủ các quy định chuyên ngành tương ứng hiện hành.

9. Quy định về các biện pháp bảo vệ môi trường

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí; bảo vệ các hệ sinh thái đặc trưng.

- Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn.

- Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Việc quyết định địa điểm và triển khai các dự án nhạy cảm về môi trường (khu xử lý rác, nghĩa địa, khu xử lý nước thải, các khu chăn nuôi tập trung) sẽ được xem xét cụ thể trên cơ sở định hướng quy hoạch vùng và phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 6. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

1. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên

- Các di sản thiên nhiên phải được khoanh vùng và thực hiện cấm mốc giới bảo vệ, đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hoá 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VH, TT & DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích”.

2. Quy định về các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

a) Các di tích được xếp hạng

- Di tích Quốc gia đặc biệt: Khu di tích Bà Triệu.

- Di tích Quốc gia: Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, Chùa Vích, Chùa Cách (chùa Ngọc Đồi).

- Di tích cấp tỉnh: Đền thờ Đông Các Lê Doãn Giai, Nghè Vích, Nhà lưu niệm chiến sĩ cách mạng Đinh Chương Dương, Đình Phú Vinh, Cụm DT Nghè Diêm Phố (Nghè Diêm Phố, chùa Liên Hoa, Nghinh môn Hoàng hậu thời Lý), Nhà thờ họ Đặng, Nhà thờ họ Nguyễn Phúc (nơi thờ Tôn thần Nguyễn Văn Thành), Cụm DT LSVH Hoa Lộc (Khảo cổ): gồm Trận địa đơn vị nữ anh hùng Đông ngàn, di chỉ KCH Cồn Mả Hờ, cồn Sau Chợ, nghinh môn thời Lý), Từ đường họ Hà, Từ đường họ Triệu, Nhà thờ họ Nguyễn Phúc, Nhà thờ họ Tăng, Đền thờ Đô đốc Quận công Nguyễn Húy Thành, Đền thờ Lê Văn Minh, Đền thờ Lê Huy Phúc, Cụm DT thắng cảnh Phong Mục, Di tích LSCM Phú Nhi, Chùa Cam Lộ, Nhà lưu niệm chiến sĩ cách mạng Nguyễn Chí Hiền, Mộ Quan Án Sát Phạm Bành, Đền thờ Nguyễn Thành, Nhà thờ họ Nguyễn Phúc, Đền – Phủ, làng Minh Thành, Bia ký, đền thờ Tạ Tướng Công, Nhà thờ Hoàng Bất Đạt, Đình Miếu Nhị, Đền thờ Uy Hổ Thượng Tướng quân Đỗ Tất Quý, Đền thờ Độc Cước, Đình Khánh Vượng, Từ đường họ Trương Nho, Đền Thiệu, Tháp chùa Báo Ân, Nghè làng Búi, Đền thờ và Lăng mộ Vũ Sư Thước, Địa điểm DTLSCM

nhà bà Nguyễn Thị Quyển (mẹ Tôm), Đền Thánh Cả, Nghè Phương Lĩnh, Đình Phong Mục, Nghè Tây, Chùa Lục Nghĩa Trúc, Chùa Tam Giáo, Chùa Phúc Hưng, Khu tưởng niệm chiến sỹ cách mạng Lê Hữu Lập, Nghè làng Xuân Hội, Đình làng Sơn, Nghè làng Kiến Long, Nghè Yên Trung.

- Đối với khu di tích Bà Triệu: Tuân thủ theo Quyết định số 2408/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 phê duyệt diện tích các khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích lịch sử và nghệ thuật kiến trúc khu di tích Bà Triệu đã được xếp hạng quốc gia đặc biệt và diện tích khoanh vùng bảo vệ di tích thắng cảnh Phong Mục, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc; Quyết định số 4139/QĐ-UBND ngày 19/11/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa lịch sử của quần thể di tích đền Bà Triệu.

b) Về lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hoá danh lam thắng cảnh: Tuân thủ các quy định của Luật Di sản văn hóa; Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích: Xác định hình thức bảo tồn, tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại di tích; Công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi nguyên trạng công trình di tích, đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hoá số 28/2001/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá số 32/2009/QH12; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

d) Về cảnh quan di tích và khu vực được phép xây dựng

- Cảnh quan xung quanh khu vực di tích phải đảm bảo sự hài hòa, tôn tạo và phát huy được các giá trị của di tích, đảm bảo môi trường sinh thái; Phù hợp với các hoạt động tín ngưỡng, văn hoá tâm linh của nhân dân và du khách.

- Không bố trí các hoạt động kinh doanh trong khu vực bảo vệ di tích (đặc biệt là khu vực I của di tích – khu vực bảo vệ nghiêm ngặt). Do vậy, việc “bố trí các hoạt động kinh doanh chuyển sang khu vực bảo vệ cảnh quan di tích và khu vực được phép xây dựng các công trình”.

Điều 7. Các quy định khác theo chức năng đặc thù của vùng

1. Quy định về khu vực ven biển

- Đối với khu vực Đảo Nẹ: Tuân thủ theo Luật số 82/2015/QH13 ngày

25/6/2015 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch 2018.

- Đối với khu vực rừng ngập mặn ven biển tại xã Đa Lộc và Hải Lộc: Tuân thủ Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Quy định về khu vực đồi núi: Các khu vực rừng thuộc xã Triệu Lộc và Đại Lộc: Tuân thủ theo Luật Lâm nghiệp 2017; Luật đất đai năm 2013; Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai; Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT quy định về quản lý rừng bền vững do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

PHẦN II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Phân công và quy định trách nhiệm quản lý

1. UBND huyện Hậu Lộc có trách nhiệm

- Tổ chức thực hiện công bố, công khai quy định quản lý theo quy định;
- Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định và quy hoạch chung đô thị được duyệt;
- Tổ chức chỉ đạo UBND các xã, thị trấn theo thẩm quyền được giao, quản lý chặt chẽ, toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, phát triển cải tạo và quản lý không gian kiến trúc cảnh quan theo đúng đồ án Quy hoạch vùng huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070 và quy định quản lý đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác thực hiện theo quy hoạch.

2. Sở Xây dựng và các ngành, đơn vị liên quan theo chức năng quản lý ngành có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện Quy định này.

Điều 9. Quy định này được ban hành và lưu trữ tại:

- UBND huyện Hậu Lộc, UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Hậu Lộc.
- Các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông; Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa./.